TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8- NGHỆ AN
Bản án số: 29/2026/DS-ST
Ngày: 08-9-2026
V/v " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hà
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Diêu Anh Tuấn
2. Bà Phan Thị Thanh Thủy

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Dung -Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8- Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8- tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2026/TLST- DS ngày 25/5/2025 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2026/QĐXXST-DS ngày 31/7/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2026/QĐST-DS ngày 21/8/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đinh Thế T, sinh năm: 1980
Số CCCD: 0270xxxxxxxxx;
Trú tại: Thôn N, xã G, tỉnh Bắc Ninh
(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);
Bị đơn: Chị Đào Thị Á, sinh năm 1978. Vắng mặt
Số CCCD: 0401xxxxxxxxx;
Trú tại: Khối H, phường T, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2026, quá trình tố tụng giải quyết vụ án, và trong đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Đinh Thế T trình bày:

Chị Á là nhân viên phục vụ của một quán Karaoke tại Cầu G, Hà Nội. Do có mối quan hệ quen biết nên chị Á có hỏi vay tiền anh T để mua xe máy SH để đi làm tại Hà Nội. Nên ngày 08/10/2025, anh T có cho chị Đào Thị Á tên thường gọi là Linh Đ, địa chỉ tại xóm H, xã T, tỉnh Nghệ An vay số tiền 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng). Thời hạn vay là 30 ngày (từ ngày 08/10/2025 đến ngày 08/11/2025). Lãi suất trong hạn cố định 30 ngày là 20%/năm; Lãi suất quá hạn tính từ ngày quá hạn bằng 25%/ năm áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Chị Á đã nhận đủ số tiền 75.000.000đ và cam kết sẽ chịu phí đi lại và bồi thường thiệt hại nếu vi phạm hợp đồng.

Đến hạn, anh T đã yêu cầu chị Á trả nợ nhiều lần (thông báo bằng văn bản và gọi điện thoại, nhắn tin qua mạng xã hội) nhưng phía chị Á ban đầu xin khất nợ nhưng sau đó thì chặn liên lạc.

Nay anh T khởi kiện yêu cầu chị Á phải trả cho anh T tiền gốc là 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật, tính từ thời điểm đến hạn thanh toán cho đến ngày bị đơn thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Quá trình giải quyết vụ án anh T có rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

Trong thời gian vay, chị Á có trả cho anh T 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền gốc nên nay anh T rút một phần yêu cầu khởi kiện: Anh T yêu cầu chị Á phải trả số tiền gốc còn lại là 73.000.000đ (bảy mươi ba triệu đồng).

Về lãi suất: Anh T yêu cầu tính lãi suất cụ thể theo hợp đồng hai bên đã ký kết ngày 08/10/2025, gồm: Lãi suất trong hạn, quá hạn đều là 20%/ năm tính từ ngày 08/10/2025 đến ngày 31/7/2026 (ngày công khai chứng cứ) là 296 ngày, tổng tiền lãi là: 11.840.000đ (mười một triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Tổng gốc và lãi là: 84.840.000đ (tám tư triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng) và tiếp tục tính lãi suất số tiền chị Á còn nợ đến khi chị Á trả hết số tiền trên.

Anh T không yêu cầu chị Á phải chịu tiền phí đi lại, bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng như đã cam kết trong hợp đồng cho vay ngày 08/10/2025.

Do bận công việc và khoảng cách đi lại xa nên anh T không thể thu xếp được công việc để tham gia xét xử tại Tòa án. Vì vậy anh T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

Phía bị đơn chị Đào Thị Á: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản cho chị Á nhưng chị Á vẫn vắng mặt không có lý do.

Quá trình điều tra Tòa án đã tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ gồm: Biên bản xác minh nơi đăng ký hộ thường trú của chị Á; xác minh việc chị Á vắng mặt tại địa phương; xác minh, lấy lời khai của ông Đào Ngọc H (bố đẻ chị Á) và chị Đào Thị N (chị gái chị Á);

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8- Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với nguyên đơn: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS.

- Đối với bị đơn: Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và trước khi tiến hành việc công khai chứng cứ, anh Đinh Thế T yêu cầu chị Á phải trả tiền số tiền gốc 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng). Tuy nhiên tại phiên họp công khai chứng cứ anh T chỉ cầu phía bị đơn chị Á phải trả số tiền gốc là 73.000.000đ (bảy mươi ba triệu đồng). Đối với phần yêu cầu khởi kiện đòi số tiền 2.000.000 đồng mà nguyên đơn đã rút, căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu này.

Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn:

Tại hợp đồng cho vay ngày 08/10/2025 ghi rõ: lãi suất cho vay trong hạn là 20%/năm và lãi suất quá hạn 25%/năm. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đề nghị tính chung lãi suất quá hạn và lãi suất trong hạn là 20%/năm. Xét thấy, mức áp dụng lãi suất trong hạn, quá hạn 20%/ năm là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng cho vay và không trái quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Tại hợp đồng ghi thời hạn trả nợ là ngày 08/11/2025 nên thời điểm tính lãi quá hạn là ngày 09/11/2025.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 BLTTDS; Căn cứ các Điều 117, 357, 463, 466, 468- BLDS; Căn cứ các Điều 5, 6 và 13 Nghị quyết 01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu; nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Thế T, buộc chị Đào Thị Á phải thanh toán cho anh Đinh Thế T số tiền nợ gốc còn lại là 73.000.000đ (Bảy mươi ba triệu đồng) và lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn cho nguyên đơn anh T với lãi suất là 20%/ năm tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Về án phí: Buộc chị Đào Thị Á phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện của anh Đinh Thế T và quá trình giải quyết vụ án thì anh T yêu cầu chị Đào Thị Á phải trả toàn bộ số tiền 73.000.000đ (Bảy mươi ba triệu đồng) nên có đủ cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35- BLTTDS; đồng thời chị Đào Thị Á có đăng ký thường trú tại địa chỉ tại khối H, phường T, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8- Nghệ An theo điểm a khoản 1 Điều 39 - BLTTDS.

[1.2] Nguyên đơn anh Đinh Thế T được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng xử vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Đào Thị Á mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Chủ tọa phiên tòa công bố bản khai của anh T và quá trình xác minh niêm yết đối với chị Á tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt anh T, chị Á.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về chủ thể, hình thức và nội dung hợp đồng: Anh Đinh Thế T và chị Đào Thị Á có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Nên các bên đều có quyền ký kết hợp đồng và thực hiện quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng đã giao kết.

Xét hình thức, nội dung các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay ngày

08/10/2025 mà hai bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy hợp đồng giữa hai bên đã ký kết là hợp pháp và có hiệu lực nên được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Về nghĩa vụ thanh toán nợ gốc:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và quá trình Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thấy rằng:

Do có mối quan hệ quen biết, nên ngày 08/10/2025, anh T có cho chị Á vay số tiền 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng), chị Á đã trả được 2.000.000đ (hai triệu đồng), còn nợ số tiền 73.000.000đ (bảy mươi ba triệu đồng).

Nay anh T yêu cầu chị Á phải trả cho anh T số tiền gốc còn lại là 73.000.000đ (bảy mươi ba triệu đồng) và tiền lãi suất (trong hạn, quá hạn) là 20%/ năm đối với số tiền chậm trả.

Trước khi khởi kiện ra Tòa án, anh T đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin và gửi thông báo đòi nợ qua mạng xã hội và gửi bưu điện cho chị Á biết nội dung yêu cầu trả nợ. Phía chị Á ban đầu nhắn tin lại nhiều lần xin khất nợ với lý do chưa vay được tiền nên chưa có trả cho anh T. Đến ngày 16/4/2026, anh T tiếp tục nhắn tin và thông báo sẽ khởi kiện ra Tòa án thì chị Á đã chặn liên lạc. Ngày 28/4/2026 anh T nộp đơn khởi kiện yêu cầu chị Á trả số tiền trên. Trong thông báo đòi nợ anh T gửi cho chị Á có ghi rõ số tiền chị Á còn nợ là 73.000.000đ (bảy mươi ba triệu đồng). Phía chị Á không có phản hồi lại và sau đó chặn liên lạc thể hiện chị Á không hợp tác để trả nợ cho anh T.

Quá trình điều tra Tòa án đã tống đạt, niêm yết các văn bản hợp lệ cho chị Á, đồng thời xác minh, thông báo nội dung khởi kiện cho bố đẻ chị Á là ông Đào Ngọc H và chị gái chị Á là chị Đào Thị N (chị Á hiện nay đang đăng ký thường trú trong hộ gia đình chị Đào Thị N thuộc khối H, phường T, tỉnh Nghệ An). Chị Á đã biết nội dung việc anh Đinh Thế T khởi kiện yêu cầu chị Á phải trả số tiền đã vay theo hợp đồng ngày 08/10/2025 nhưng không có ý kiến gì. Điều đó chứng tỏ chị Á cố tình trốn tránh, dấu địa chỉ, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh Đinh Thế T.

Tại đơn khởi kiện và trước khi tiến hành công khai chứng cứ, anh Đinh Thế T yêu cầu chị Á phải trả tiền số tiền gốc 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng). Tuy nhiên tại phiên họp công khai chứng cứ, anh T chỉ cầu phía bị đơn chị Á phải trả số tiền gốc là 73.000.000đ (bảy mươi ba triệu đồng). Đối với phần yêu cầu khởi kiện đòi số tiền 2.000.000 đồng mà nguyên đơn đã rút, căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu này.

[2.3]. Về yêu cầu trả tiền lãi suất, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hợp đồng cho vay ngày 08/10/2025 ghi rõ: lãi suất cho vay trong hạn là 20%/năm và lãi suất quá hạn 25%/năm. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đề nghị tính chung lãi suất quá hạn và lãi suất trong hạn là 20%/năm. Tính từ thời điểm ngày 08/10/2025 đến ngày xét xử là ngày 08/9/2026 là 335 ngày (số ngày quá hạn là 305 ngày tính từ ngày 09/11/2025 đến ngày xét xử, lãi suất trong hạn là 30 ngày), tổng tiền lãi trong hạn và quá hạn là: 13.400.000đ (mười ba triệu, bốn trăm nghìn đồng), trong đó: lãi trong hạn (trên số tiền gốc 73.000.000đ) là 1.240.000đ (một triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng) và lãi suất quá hạn là 12.160.000đ (mười hai triệu, một

trăm bốn mươi nghìn đồng). Xét thấy, áp dụng lãi suất vay trong hạn, quá hạn là 20%/ năm theo yêu cầu của anh T là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng cho vay ngày 08/10/2025 và cũng phù hợp với quy định tại Điều 5- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC và khoản 1 Điều 468- BLDS nên cần được chấp nhận.

Từ sự phân tích trên có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đinh Thế T, buộc bị đơn chị Đào Thị Á phải có nghĩa vụ thanh toán hợp đồng vay tài sản cho nguyên đơn anh Đinh Thế T số tiền gốc là: 73.000.000 (Bảy mươi ba triệu đồng), tiền lãi suất trong hạn là 1.240.000đ (một triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng); tiền lãi suất quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/9/2026) là: 12.160.000đ (mười hai triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng cộng là: 86.400.000đ (tám mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng) và tiếp tục tính lãi suất đối với số tiền còn phải thi hành án cho đến khi chị Á thanh toán hết.

[3] Án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí DSST theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 147 - Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 117; Điều 357; Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 468 - Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 5; điểm b khoản 3 Điều 6, Điều 13 -Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 14/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm b tiểu mục 1.3, mục 1 phần II Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đinh Thế T.

Buộc bị đơn chị Đào Thị Á phải có nghĩa vụ thanh toán hợp đồng vay tài sản cho anh Đinh Thế T số tiền là 86.400.000đ (tám mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng) theo Hợp đồng cho vay ngày 08/10/2025. Trong đó tiền gốc là: 73.000.000 (Bảy mươi ba triệu đồng), tiền lãi suất trong hạn là 1.240.000đ (một triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng); tiền lãi suất quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/9/2026) là: 12.160.000đ (mười hai triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/9/2026) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án chị Đào Thị Á còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng cho vay ngày 08/10/2025 và yêu cầu của anh T là 20%/ năm.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 2.000.000 đồng mà nguyên đơn đã rút.

4. Án phí: Chị Đào Thị Á phải chịu 4.320.000đ (bốn triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng) tiền án phí DSST. Trả lại cho anh Đinh Thế T số tiền tạm ứng án phí là

1.875.000đ (một triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003881 ngày 25/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

5.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN		**THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TO**
Diêu Anh Tuấn	**Phan Thị Thanh Thủy**	**Thái Thị Hà**

Nơi nhận:
-Đương sự;
-VKSND Khu vực 8- Nghệ An;
-TAND tỉnh Nghệ An;
-VKSND tỉnh Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thái Thị Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Sỹ Lượng **Nguyễn Văn Quế** **Thái Thị Hà**